

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2021/HNGĐ-ST

Ngày 10-9-2021

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ni

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Hoàng

Ông Nguyễn Văn Tịnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Mộng Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:** Ông Châu Hoa Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2021/TLST–HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021, về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã ATA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 02/7/2021.

Bị đơn: Chị **Võ Thị T** sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PT, xã AP, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chị T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/6/2021.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Anh D và chị Võ Thị T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Trạch A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã ATA cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/11/2009. Trong thời gian chung sống anh D và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 8 năm 2015. Do cuộc

sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh D xác định anh và chị T có hai con chung tên Nguyễn Trung HH, sinh ngày 02/4/2004 và Nguyễn Văn TT, sinh ngày 15/3/2008, hai con hiện do anh D trực tiếp nuôi dưỡng; anh D yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh D xác định anh và chị T không có nợ chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Võ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ATA, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã ATA cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/11/2009. Trong thời gian chung sống anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2015. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không còn tình cảm với anh D nên chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T xác định chị và anh D có hai con chung tên Nguyễn Trung HH, sinh ngày 02/4/2004 và Nguyễn Văn TT, sinh ngày 15/3/2008, hai con hiện do anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T đồng ý giao hai con cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì chị cũng đồng ý, không có ý kiến gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định chị và anh D không có nợ chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Văn D với chị Võ thị T; về con chung giao cháu Nguyễn Trung HH, sinh ngày 02/4/2004 và Nguyễn Văn TT, sinh ngày 15/3/2008 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, anh D và chị T không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung và nợ chung anh D và chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh D phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn D yêu cầu ly hôn với chị Võ Thị T, chị T cư trú tại ấp PT, xã AP, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Văn D và chị Võ Thị T có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D và chị T theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh D yêu cầu ly hôn với chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh D và chị T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ATA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã ATA cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/11/2009 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Anh D và chị T đều xác định cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên anh D yêu cầu ly hôn, chị T cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý kiến tự nguyện của các đương sự, phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của anh D và chị T theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Anh D và chị T đều thống nhất xác định anh chị có hai con chung tên Nguyễn Trung HH, sinh ngày 02/4/2004 và Nguyễn Văn TT, sinh ngày 15/3/2008, hai cháu hiện do anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D có yêu cầu tiếp tục nuôi con, chị T cũng đồng ý giao con cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng. Mặt khác, tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 18 tháng 6 năm 2021, cháu HH và cháu TT đều có nguyện vọng tiếp tục sống chung với anh D. Do đó, cần giao cháu TT và cháu HH cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cuộc sống ổn định của các cháu. Anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh D và chị T đều xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh D phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Võ Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung HH, sinh ngày 02/4/2004 và Nguyễn Văn TT, sinh ngày 15/3/2008 cho anh Nguyễn Văn D tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Chị Võ Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng anh Nguyễn Văn D phải chịu. Anh D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001678 ngày 18/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, anh Nguyễn Văn D và chị Võ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã ATA;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Ni**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

